

Số: 282 /QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Điều kiện và mức học bổng khuyến khích học tập Học kỳ I, năm học 2017 – 2018 cho sinh viên Đại học chính quy khóa 68,69,70,71,72, Cao đẳng chính quy khóa 6,7, Đại học liên thông từ trung cấp khóa 49,50,51, Đại học liên thông từ cao đẳng khóa 1 và Đại học văn bằng hai khóa 10,11

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ Y tế về việc thành lập trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ “Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy” ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 và “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” theo văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-DHN ngày 24/10/2018 của Trường Đại học Dược Hà Nội về việc quy định mức thu học phí, chi phí đào tạo đối với học viên sau đại học, sinh viên đại học và cao đẳng năm học 2017-2018;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét học bổng, học phí, trợ cấp khó khăn ngày 09/03/2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các sinh viên được cấp học bổng khuyến khích học tập (HBKKHT) Học kỳ I, năm học 2017-2018 là các sinh viên đại học hệ chính quy (ĐH) khóa 68,69,70,71,72,

cao đẳng chính quy (CĐ) khóa 6,7, đại học liên thông từ trung cấp (LTC) khóa 49,50,51, đại học liên thông từ cao đẳng (LTE) khóa 1 và đại học văn bằng hai khóa 10,11 có điểm rèn luyện từ mức khá trở lên, không vi phạm kỷ luật trong Học kỳ I, năm học 2017-2018 và không còn học phần lần 1 chưa đạt, đồng thời có điểm trung bình học tập lần 1 (thang điểm 4) của Học kỳ I, năm học 2017-2018 từ các mức điểm sau đây trở lên:

ĐH K68:	3,95	LTC K49:	2,76
ĐH K69:	3,60	LTC K50:	2,77
ĐH K70:	3,67	LTC K51:	2,50
ĐH K71:	3,16	LTE K1:	3,50
ĐH K72:	3,84	BH K10:	3,31
CĐ K6:	3,34	BH K11:	3,19
CĐ K7:	2,50		

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2017-2018 được quy định như sau:

Đối với hệ đại học: Mức học bổng loại khá: 1.070.000đ/tháng; loại giỏi: 1.150.000đ/tháng; loại xuất sắc: 1.250.000đ/tháng.

Đối với cao đẳng chính quy: Mức học bổng loại khá: 860.000đ/tháng; loại giỏi: 950.000đ/tháng; loại xuất sắc: 1.050.000đ/tháng.

Học bổng khuyến khích học tập được cấp 05 tháng cho 1 học kỳ. Học bổng học kỳ I, năm học 2017-2018 được cấp trong Học kỳ II, 2017-2018.

Điều 3. Học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách ưu đãi theo Nghị định 28/CP của Chính phủ, nhận trợ cấp ưu đãi tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

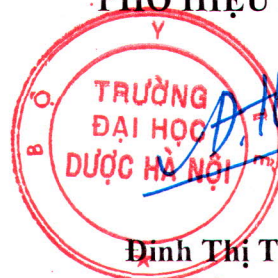
Học sinh, sinh viên thuộc diện hưởng học bổng chính sách, diện trợ cấp xã hội, diện chính sách ưu đãi nếu đạt kết quả học tập, rèn luyện vào diện được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập thì được xét, cấp HBKKHT như những sinh viên khác.

Điều 4. Trưởng các phòng QLSV, ĐT, TCKT và các sinh viên khóa chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4, các lớp SV;
- Ban giám hiệu;
- Lưu: VT, QLSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Thị Thanh Hải

DANH SÁCH HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP SINH VIÊN

Học kỳ I, năm học 2017-2018

(kèm theo quyết định số 252/QĐ-DHN ngày 19 tháng 03 năm 2018)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
1	1301002	Đặng Thị Vân Anh	M2K68	4.00	0	89	Giỏi	1,150,000
2	1301024	Tô Thu Ba	M2K68	3.95	0	95	Xuất sắc	1,250,000
3	1301056	Nguyễn Thị Dung	M1K68	3.95	0	95	Xuất sắc	1,250,000
4	1301064	Trần Thanh Duyên	M2K68	3.98	0	92	Xuất sắc	1,250,000
5	1301101	Phạm Hữu Đức	M1K68	3.95	0	98	Xuất sắc	1,250,000
6	1301137	Trịnh Thị Hằng	M1K68	3.95	0	91	Xuất sắc	1,250,000
7	1301146	Đào Cẩm Hiếu	M1K68	3.95	0	95	Xuất sắc	1,250,000
8	1301180	Biện Thị Mai Huệ	M1K68	3.98	0	91	Xuất sắc	1,250,000
9	1301185	Trần Minh Huệ	M2K68	3.95	0	94	Xuất sắc	1,250,000
10	1301193	Nguyễn Thị Huyền	M1K68	3.98	0	98	Xuất sắc	1,250,000
11	1301202	Nguyễn Thu Hương	M1K68	3.95	0	100	Xuất sắc	1,250,000
12	1301205	Phạm Thị Thu Hương	M1K68	3.98	0	89	Giỏi	1,150,000
13	1301209	Lê Thu Hường	M2K68	4.00	0	94	Xuất sắc	1,250,000
14	1301232	Đặng Thuỳ Linh	M2K68	3.95	0	86	Giỏi	1,150,000
15	1301279	Lê Đức Mười	M1K68	3.95	0	95	Xuất sắc	1,250,000
16	1301286	Ngô Thị Thanh Nga	M1K68	4.00	0	99	Xuất sắc	1,250,000
17	1301301	Đỗ Thị Nhung	M2K68	3.98	0	95	Xuất sắc	1,250,000
18	1301323	Chu Thị Kim Phương	M2K68	3.98	0	94	Xuất sắc	1,250,000
19	1301324	Lê Thị Phương	M1K68	3.95	0	89	Giỏi	1,150,000
20	1301337	Vũ Thị Kim Phượng	M1K68	3.98	0	95	Xuất sắc	1,250,000
21	1301368	Đỗ Thị Thanh	M2K68	4.00	0	96	Xuất sắc	1,250,000
22	1301383	Trương Thị Thảo	M2K68	3.98	0	89	Giỏi	1,150,000
23	1301384	Trương Thị Thanh Thảo	M2K68	3.98	0	95	Xuất sắc	1,250,000
24	1301386	Vũ Quang Thái	M1K68	3.95	0	88	Giỏi	1,150,000
25	1301399	Mai Thị Thương	M2K68	4.00	0	92	Xuất sắc	1,250,000
26	1301456	Đào Thị Thanh Tuyền	M1K68	4.00	0	95	Xuất sắc	1,250,000
27	1301482	Trần Khánh Vy	M2K68	3.95	0	98	Xuất sắc	1,250,000
28	1401017	Đỗ Phương Anh	N1K69	3.73	0	99	Xuất sắc	1,250,000
29	1401027	Nguyễn Kim Anh	N1K69	3.80	0	97	Xuất sắc	1,250,000
30	1401045	Trịnh Thị Vân Anh	M1K69	3.85	0	99	Xuất sắc	1,250,000
31	1401053	Nguyễn Thị ánh	M2K69	3.64	0	94	Xuất sắc	1,250,000
32	1401057	Phan Đức Bình	N1K69	3.72	0	92	Xuất sắc	1,250,000
33	1401065	Điều Minh Châu	N1K69	3.72	0	100	Xuất sắc	1,250,000
34	1401066	Điều Thị Ngọc Châu	N1K69	3.85	0	100	Xuất sắc	1,250,000
35	1401067	Đỗ Thị Phương Chi	M1K69	3.76	0	95	Xuất sắc	1,250,000
36	1401080	Nguyễn Mạnh Cường	M1K69	3.71	0	91	Xuất sắc	1,250,000
37	1401159	Trần Linh Giang	N1K69	3.65	0	100	Xuất sắc	1,250,000
38	1401170	Nguyễn Việt Hà	N2K69	3.70	0	98	Xuất sắc	1,250,000
39	1401189	Cao Thị Thu Hằng	M1K69	3.72	0	97	Xuất sắc	1,250,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	DRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
40	1401196	Phạm Thị Thu Hằng	N2K69	3.60	0	88	Giỏi	1,150,000
41	1401206	Nguyễn Thị Hiền	M2K69	3.65	0	96	Xuất sắc	1,250,000
42	1401212	Vũ Thị Thu Hiền	N1K69	3.75	0	94	Xuất sắc	1,250,000
43	1401215	Nguyễn Thị Thu Hiếu	Q1K69	3.60	0	87	Giỏi	1,150,000
44	1401222	Nguyễn Lê Hiệp	N2K69	3.78	0	91	Xuất sắc	1,250,000
45	1401224	Nguyễn Văn Hiệp	M2K69	3.67	0	94	Xuất sắc	1,250,000
46	1401255	Chu Phương Hồng	M2K69	3.65	0	94	Xuất sắc	1,250,000
47	1401269	Hồ Thị Thanh Huệ	N2K69	3.65	0	99	Xuất sắc	1,250,000
48	1401270	Nguyễn Thị Huệ	Q1K69	3.69	0	88	Giỏi	1,150,000
49	1401271	Lê Quốc Huy	N1K69	3.60	0	93	Xuất sắc	1,250,000
50	1401280	Đặng Thị Huyền	M2K69	3.79	0	88	Giỏi	1,150,000
51	1401302	Đặng Mai Hương	N2K69	3.83	0	99	Xuất sắc	1,250,000
52	1401310	Trần Thảo Hương	N2K69	3.67	0	89	Giỏi	1,150,000
53	1401317	Trần Thuý Hường	N2K69	3.68	0	94	Xuất sắc	1,250,000
54	1401405	Nguyễn Ngọc Minh	N2K69	3.68	0	89	Giỏi	1,150,000
55	1401407	Trần Nhật Minh	N1K69	3.72	0	99	Xuất sắc	1,250,000
56	1401429	Đinh Thị Minh Ngọc	N2K69	3.70	0	89	Giỏi	1,150,000
57	1401431	Lê Minh Ngọc	N1K69	3.80	0	100	Xuất sắc	1,250,000
58	1401441	Võ Thị Ngợi	M2K69	3.78	0	91	Xuất sắc	1,250,000
59	1401444	Phạm Thị Thảo Nguyên	N2K69	3.80	0	96	Xuất sắc	1,250,000
60	1401461	Trần Thị Nữ	N2K69	3.63	0	88	Giỏi	1,150,000
61	1401502	Trương Anh Quân	N1K69	3.93	0	98	Xuất sắc	1,250,000
62	1401579	Nguyễn Văn Thiên	N1K69	3.63	0	84	Giỏi	1,150,000
63	1401640	Vũ Thị Việt Trinh	N1K69	3.63	0	91	Xuất sắc	1,250,000
64	1401666	Nguyễn Thị Tuyền	N2K69	3.75	0	94	Xuất sắc	1,250,000
65	1401681	Lê Đức Việt	N2K69	3.70	0	99	Xuất sắc	1,250,000
66	1402026	Nguyễn Thị Huyền	N4K49	2.76	0	86	Khá	1,070,000
67	1402028	Nguyễn Thị Thanh Hường	M4K49	3.24	0	92	Giỏi	1,150,000
68	1402054	Nguyễn Như Quỳnh	M4K49	2.76	0	86	Khá	1,070,000
69	1402058	Nguyễn Thị Thanh	M4K49	2.76	0	86	Khá	1,070,000
70	1402068	Phạm Thị Thu	M4K49	2.81	0	86	Khá	1,070,000
71	1402069	Bùi Văn Thuấn	M4K49	3.31	0	87	Giỏi	1,150,000
72	1402078	Bùi Thị Yến	N4K49	2.97	0	87	Khá	1,070,000
73	1403176	Quản Phương Quỳnh	D1K6	3.44	0	85	Giỏi	950,000
74	1501003	Đàm Hoàng Anh	A5K70	3.75	0	97	Xuất sắc	1,250,000
75	1501006	Lê Minh Anh	A5K70	3.77	0	99	Xuất sắc	1,250,000
76	1501028	Phạm Thị Anh	A4K70	3.89	0	93	Xuất sắc	1,250,000
77	1501080	Nguyễn Tiến Đạt	A5K70	4.00	0	92	Xuất sắc	1,250,000
78	1501108	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	A7K70	3.95	0	93	Xuất sắc	1,250,000
79	1501109	Trần Hạnh Dung	A7K70	3.75	0	93	Xuất sắc	1,250,000
80	1501112	Nguyễn Đình Trung Dũng	A4K70	3.75	0	84	Giỏi	1,150,000
81	1501113	Đặng Ngọc Dương	A2K70	3.73	0	88	Giỏi	1,150,000
82	1501123	Lê Hương Giang	A7K70	3.97	0	88	Giỏi	1,150,000
83	1501143	Nguyễn Thị Hằng	A4K70	3.86	0	92	Xuất sắc	1,250,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
84	1501158	Nguyễn Thu Hiền	A4K70	3.69	0	84	Giỏi	1,150,000
85	1501207	Nguyễn Thị Hương	A7K70	3.75	0	91	Xuất sắc	1,250,000
86	1501219	Lê Thị Huyền	A7K70	3.73	0	88	Giỏi	1,150,000
87	1501247	Ngô Minh Khoa	A5K70	3.84	0	99	Xuất sắc	1,250,000
88	1501260	Vũ Thị Mai Lan	A7K70	3.83	0	88	Giỏi	1,150,000
89	1501273	Nguyễn Hoài Linh	A3K70	3.75	0	95	Xuất sắc	1,250,000
90	1501281	Nguyễn Thị Linh	A4K70	3.86	0	85	Giỏi	1,150,000
91	1501285	Phạm Thị Thuỳ Linh	A3K70	3.83	0	90	Xuất sắc	1,250,000
92	1501286	Phan Thị Mỹ Linh	A3K70	3.70	0	95	Xuất sắc	1,250,000
93	1501346	Nguyễn Thu Ngân	A5K70	3.81	0	87	Giỏi	1,150,000
94	1501347	Đỗ Thị Ngát	A3K70	3.77	0	87	Giỏi	1,150,000
95	1501364	Bùi Văn Nhất	A4K70	3.94	0	93	Xuất sắc	1,250,000
96	1501380	Hoàng Thục Oanh	A7K70	3.86	0	92	Xuất sắc	1,250,000
97	1501381	Nguyễn Thị Oanh	A6K70	3.69	0	99	Xuất sắc	1,250,000
98	1501385	Nguyễn Hồng Phát	A1K70	3.88	0	87	Giỏi	1,150,000
99	1501396	Đỗ Thị Phương	A7K70	3.67	0	96	Xuất sắc	1,250,000
100	1501401	Nguyễn Thị Phương	A5K70	3.72	0	88	Giỏi	1,150,000
101	1501448	Nguyễn Thế Thành	A2K70	3.81	0	88	Giỏi	1,150,000
102	1501463	Nguyễn Thị Phương Thảo	A7K70	3.67	0	91	Xuất sắc	1,250,000
103	1501482	Nguyễn Thị Kim Thuý	A5K70	3.95	0	87	Giỏi	1,150,000
104	1501503	Lưu Thị Thu Trang	A7K70	3.78	0	95	Xuất sắc	1,250,000
105	1501505	Ngô Thu Trang	A7K70	3.86	0	91	Xuất sắc	1,250,000
106	1501507	Nguyễn Thị Trang	A3K70	3.83	0	96	Xuất sắc	1,250,000
107	1501513	Từ Phạm Hiền Trang	A3K70	3.83	0	94	Xuất sắc	1,250,000
108	1501521	Nguyễn Đức Trọng	A5K70	3.78	0	93	Xuất sắc	1,250,000
109	1501553	Nguyễn Thị Vinh	A2K70	3.72	0	88	Giỏi	1,150,000
110	1501564	Đào Thị Yến	A5K70	3.72	0	92	Xuất sắc	1,250,000
111	1501567	Nguyễn Thị Hải Yến	A2K70	3.77	0	88	Giỏi	1,150,000
112	1502008	Nguyễn Thị Thu Hà	C1K50	2.77	0	96	Khá	1,070,000
113	1502013	Lê Thị Hằng	C1K50	2.78	0	85	Khá	1,070,000
114	1502027	Đỗ Thị Mai Hương	C1K50	2.84	0	84	Khá	1,070,000
115	1502061	Vũ Thị Thanh Thủy	C1K50	3.48	0	83	Giỏi	1,150,000
116	1502062	Nguyễn Thị Toán	C1K50	3.22	0	84	Giỏi	1,150,000
117	1502063	Phạm Quỳnh Trang	C1K50	3.14	0	85	Khá	1,070,000
118	1503005	Nguyễn Vân Anh	D1K6	3.65	0	96	Xuất sắc	1,050,000
119	1503056	Trịnh Thị Hồng	D1K6	3.63	0	88	Giỏi	950,000
120	1503099	Nguyễn Thị Ngọc	D1K6	3.43	0	87	Giỏi	950,000
121	1503101	Hoàng Thị Hồng Nhung	D1K6	3.34	0	87	Giỏi	950,000
122	1503132	Vũ Thị Thúy	D1K6	3.43	0	85	Giỏi	950,000
123	1503153	Nguyễn Thị Yến	D1K6	3.35	0	87	Giỏi	950,000
124	1506002	Nguyễn Thị Ngọc ánh	B1K10	3.42	0	87	Giỏi	1,150,000
125	1506003	Dương Tuấn Đạt	B1K10	3.31	0	85	Giỏi	1,150,000
126	1601010	Đỗ Thị Hồng Anh	A5K71	3.35	0	85	Giỏi	1,150,000
127	1601012	Đồng Thị Nguyệt Anh	A5K71	3.31	0	86	Giỏi	1,150,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
128	1601018	Lại Đức Anh	A1K71	3.28	0	97	Giỏi	1,150,000
129	1601026	Nguyễn Phương Anh	A2K71	3.22	0	85	Giỏi	1,150,000
130	1601076	Phạm Thị Bích	A5K71	3.49	0	87	Giỏi	1,150,000
131	1601090	Nguyễn Quốc Chung	A4K71	3.29	0	96	Giỏi	1,150,000
132	1601098	Lê Huy Cường	A2K71	3.50	0	85	Giỏi	1,150,000
133	1601177	Phạm Hương Giang	A2K71	3.22	0	85	Giỏi	1,150,000
134	1601190	Nguyễn Thị Hà	A6K71	3.22	0	83	Giỏi	1,150,000
135	1601206	Đặng Thị Hằng	A6K71	3.18	0	86	Khá	1,070,000
136	1601209	Đỗ Thị Thu Hằng	A6K71	3.51	0	91	Giỏi	1,150,000
137	1601228	Phùng Thị Hạnh	A4K71	3.53	0	85	Giỏi	1,150,000
138	1601282	Nguyễn Thị Hoa	A2K71	3.38	0	82	Giỏi	1,150,000
139	1601329	Nguyễn Như Hưng	A2K71	3.46	0	87	Giỏi	1,150,000
140	1601361	Đặng Thị Thanh Huyền	A5K71	3.46	0	88	Giỏi	1,150,000
141	1601373	Nguyễn Thị Thu Huyền	A5K71	3.19	0	85	Khá	1,070,000
142	1601430	Đỗ Khánh Linh	A6K71	3.22	0	82	Giỏi	1,150,000
143	1601477	Nguyễn Hữu Long	A3K71	3.29	0	91	Giỏi	1,150,000
144	1601481	Nguyễn Thị Lua	A3K71	3.35	0	94	Giỏi	1,150,000
145	1601552	Hoàng Bảo Ngọc	A3K71	3.44	0	91	Giỏi	1,150,000
146	1601581	Nguyễn Thị Quỳnh Như	A5K71	3.28	0	85	Giỏi	1,150,000
147	1601584	Đinh Thị Nhung	A4K71	3.16	0	87	Khá	1,070,000
148	1601585	Doãn Thị Hồng Nhung	A4K71	3.38	0	94	Giỏi	1,150,000
149	1601677	Lê Thị Mai Sương	A4K71	3.63	0	86	Giỏi	1,150,000
150	1601685	Mai Văn Tân	A2K71	3.59	0	83	Giỏi	1,150,000
151	1601764	Trịnh Thị Thùy	A1K71	3.26	0	87	Giỏi	1,150,000
152	1601800	Nguyễn Thị Huyền Trang	A5K71	3.63	0	94	Xuất sắc	1,250,000
153	1601810	Phan Thị Thu Trang	A3K71	3.41	0	83	Giỏi	1,150,000
154	1601825	Nguyễn Đức Trung	A6K71	3.38	0	81	Giỏi	1,150,000
155	1601869	Dương Thị Vân	A2K71	3.18	0	87	Khá	1,070,000
156	1601885	Ngô Hoài Xuân	A4K71	3.31	0	88	Giỏi	1,150,000
157	1602003	Vũ Thị ánh	C1K51	2.67	0	85	Khá	1,070,000
158	1602037	Khúc Thị Thanh	C1K51	2.70	0	88	Khá	1,070,000
159	1602047	Từ Thị Thu Trang	C1K51	2.55	0	85	Khá	1,070,000
160	1602048	Trần Quốc Trung	C1K51	2.97	0	85	Khá	1,070,000
161	1603007	Hoàng Thị Ngọc Anh	D2K7	2.77	0	77	Khá	860,000
162	1603015	Vũ Thị Chinh	D2K7	2.86	0	79	Khá	860,000
163	1603028	Phạm Thị Dung	D2K7	3.14	0	87	Khá	860,000
164	1603042	Nguyễn Thị Hương Giang	D2K7	2.89	0	87	Khá	860,000
165	1603055	Đỗ Thị Thu Hằng	D2K7	2.50	0	70	Khá	860,000
166	1603090	Ngô Thị Thu Hương	D1K7	3.04	0	86	Khá	860,000
167	1603103	Nguyễn Thị Huyền	D1K7	2.54	0	82	Khá	860,000
168	1603213	Nguyễn Thị Thúy	D1K7	2.57	0	86	Khá	860,000
169	1603225	Nguyễn Thị Trang	D2K7	3.02	0	82	Khá	860,000
170	1603242	Trần Thị Thúy Vân	D2K7	2.84	0	88	Khá	860,000
171	1604006	Lê Ngọc Anh	E1K1	3.64	0	89	Giỏi	1,150,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
172	1604018	Mai Thị Hà	E1K1	3.50	0	87	Giỏi	1,150,000
173	1604033	Nguyễn Thị Lan Hương	E1K1	3.61	0	89	Giỏi	1,150,000
174	1604034	Nguyễn Thị Liên	E1K1	3.61	0	89	Giỏi	1,150,000
175	1604035	Nguyễn Nhật Linh	E1K1	3.75	0	88	Giỏi	1,150,000
176	1606008	Phạm Ngọc Khanh	B1K11	3.22	0	95	Giỏi	1,150,000
177	1606020	Phí Thị Xuyên	B1K11	3.19	0	94	Khá	1,070,000
178	1701009	Giang Thị Minh Anh	A5K72	3.89	0	97	Xuất sắc	1,250,000
179	1701022	Nguyễn Thị Vân Anh	A1K72	4.00	0	88	Giỏi	1,150,000
180	1701024	Nguyễn Tiến Anh	A4K72	3.95	0	96	Xuất sắc	1,250,000
181	1701032	Phạm Đỗ Nguyệt Anh	A1K72	3.93	0	88	Giỏi	1,150,000
182	1701045	Phạm Thị Ngọc ánh	A1K72	3.93	0	88	Giỏi	1,150,000
183	1701085	Nguyễn Thị Dịu	A6K72	4.00	0	87	Giỏi	1,150,000
184	1701106	Trần Thị Dung	A4K72	3.91	0	88	Giỏi	1,150,000
185	1701112	Nguyễn Trung Dũng	A6K72	3.91	0	95	Xuất sắc	1,250,000
186	1701120	Trần Thị Mỹ Duyên	A4K72	3.86	0	96	Xuất sắc	1,250,000
187	1701134	Trần Thị Hà	A1K72	3.95	0	91	Xuất sắc	1,250,000
188	1701139	Bùi Thị Nhật Hạ	A6K72	3.93	0	87	Giỏi	1,150,000
189	1701141	Phạm Thanh Hải	A5K72	3.95	0	92	Xuất sắc	1,250,000
190	1701149	Đỗ Thị Như Hằng	A1K72	3.95	0	88	Giỏi	1,150,000
191	1701153	Lê Thu Hằng	A3K72	3.91	0	85	Giỏi	1,150,000
192	1701159	Nguyễn Thị Hằng	A1K72	3.84	0	88	Giỏi	1,150,000
193	1701162	Nguyễn Thị Thu Hằng	A7K72	3.95	0	86	Giỏi	1,150,000
194	1701163	Nguyễn Thu Hằng	A7K72	3.86	0	88	Giỏi	1,150,000
195	1701169	Nguyễn Đức Hạnh	A4K72	3.95	0	89	Giỏi	1,150,000
196	1701188	Phan Thị Hiền	A6K72	3.89	0	88	Giỏi	1,150,000
197	1701198	Bùi Thị Quỳnh Hoa	A5K72	3.86	0	89	Giỏi	1,150,000
198	1701213	Nguyễn Phúc Hoàng	A4K72	3.91	0	87	Giỏi	1,150,000
199	1701238	Bùi Thị Mai Hương	A1K72	3.91	0	88	Giỏi	1,150,000
200	1701267	Bùi Thị Thanh Huyền	A6K72	3.89	0	89	Giỏi	1,150,000
201	1701271	Mỹ Thị Khánh Huyền	A5K72	3.89	0	83	Giỏi	1,150,000
202	1701273	Ngô Thị Huyền	A7K72	3.91	0	84	Giỏi	1,150,000
203	1701275	Nguyễn Thị Huyền	A5K72	3.86	0	88	Giỏi	1,150,000
204	1701311	Lê Ngọc Thùy Linh	A4K72	3.86	0	93	Xuất sắc	1,250,000
205	1701333	Nguyễn Vũ Linh	A5K72	3.91	0	88	Giỏi	1,150,000
206	1701336	Phạm Phương Linh	A7K72	3.91	0	72	Khá	1,070,000
207	1701345	Ngô Nhật Long	A1K72	3.89	0	96	Xuất sắc	1,250,000
208	1701352	Trần Khánh Ly	A4K72	4.00	0	87	Giỏi	1,150,000
209	1701366	Nguyễn Hữu Mạnh	A7K72	4.00	0	96	Xuất sắc	1,250,000
210	1701369	Lê Ngọc Minh	A5K72	3.86	0	84	Giỏi	1,150,000
211	1701394	Nguyễn Thị Nga	A4K72	3.86	0	88	Giỏi	1,150,000
212	1701400	Phạm Thị Nga	A2K72	3.86	0	91	Xuất sắc	1,250,000
213	1701414	Cao Kỳ Ngọc	A7K72	3.84	0	88	Giỏi	1,150,000
214	1701420	Trịnh Thị Minh Ngọc	A7K72	3.95	0	95	Xuất sắc	1,250,000
215	1701435	Hoàng Thị ánh Nhật	A6K72	4.00	0	88	Giỏi	1,150,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
216	1701463	Lê Thu Phương	A1K72	3.84	0	88	Giỏi	1,150,000
217	1701465	Nguyễn Thị Phương	A2K72	3.91	0	87	Giỏi	1,150,000
218	1701475	Lê Vinh Quang	A4K72	3.95	0	91	Xuất sắc	1,250,000
219	1701486	Nguyễn Thị Anh Quỳnh	A3K72	3.86	0	90	Xuất sắc	1,250,000
220	1701502	Hà Huy Thái	A5K72	3.89	0	97	Xuất sắc	1,250,000
221	1701548	Ngô Giao Thông	A4K72	4.00	0	96	Xuất sắc	1,250,000
222	1701552	Nguyễn Thị Lệ Thu	A7K72	3.93	0	80	Giỏi	1,150,000
223	1701601	Nguyễn Hà Trang	A2K72	3.84	0	91	Xuất sắc	1,250,000
224	1701610	Phạm Thị Thu Trang	A5K72	3.86	0	84	Giỏi	1,150,000
Tổng						260,880,000 đ/tháng x 5 tháng = 1,304,400,000 đ		

Danh sách có 224 sinh viên, sắp xếp theo Mã SV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thanh Hải